

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 35/2022/DS-PT

Ngày: 28-3-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán:

Ông Trịnh Hữu Bình

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 18-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 24/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ. Do ông Nguyễn Đình L, Chủ tịch Hội đồng quản trị làm đại diện.

Địa chỉ: Số 22 N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Đình L: Ông Huỳnh Cảnh K, Chuyên viên “Theo văn bản ủy quyền số 713/UQ-PVB ngày 13/3/2022” (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Cùmg Khóm 5, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (viết tắt là

PBank) trình bày: Ngày 16/7/2019, PBank với anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Ngọc T1 cùng ký hợp đồng tín dụng số 970/2019/HĐTD/PVB-CN.VL với nội dung: PBank cho anh T và chị T1 vay số tiền gốc bằng 940.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất năm đầu 9,5%/năm, bắt đầu năm thứ hai tính theo lãi suất thả nổi điều chỉnh theo lãi suất huy động vốn; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; 71 kỳ đầu thỏa thuận trả tiền gốc mỗi tháng bằng 13.056.000 đồng vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối trả tiền gốc bằng 13.024.000 đồng cộng với tiền lãi phát sinh trên số ngày thực tế; mục đích vay mua xe ô tô. Khi vay, anh T và chị T1 có ký hợp đồng thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô hiệu Ford Ranger Raptor, màu trắng, loại 05 chỗ ngồi, số khung MPBUMFE60KX218011, số máy YN2QX218011, biển kiểm soát số 84A-049.83, Giấy đăng ký xe ô tô số 013140 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 16/7/2019, do anh T đứng tên chủ sở hữu.

Sau vay tiền, anh T và chị T1 thanh toán cho PBank tiền gốc bằng 13.146.961 đồng và tiền lãi bằng 10.544.494 đồng. Từ ngày 24/9/2019 cho đến nay, anh T và chị T1 không thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho PBank, PBank nhiều lần thông báo yêu cầu anh T và chị T1 trả tiền nhưng anh T và chị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, PBank làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T và chị T1 thanh toán cho PBank tổng cộng số tiền bằng 1.140.063.961 đồng, trong đó tiền gốc bằng 926.853.039 đồng, tiền lãi trong hạn bằng 156.274.524 đồng; tiền lãi quá hạn bằng 43.516.828 đồng; tiền lãi chậm trả bằng 13.419.569 đồng. Trường hợp anh T và chị T1 không trả nợ cho PBank thì PBank đề nghị phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 113/2019/HĐBĐ/PVB-CN.VL ngày 16/7/2019 để thu hồi nợ.

Theo bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T1 trình bày: Chị thừa nhận, chị và anh Nguyễn Đức T (vợ chồng) có vay tiền tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ để mua xe ô tô cho anh T làm ăn, cho thuê, chở hàng thuê. Nhưng vay tiền gốc bao nhiêu, thời hạn vay bao lâu, lãi suất như thế nào, thỏa thuận trả nợ tiền gốc và tiền lãi ra sao thì chị không biết vì chị ở nhà nội trợ, anh T thực hiện việc vay, trả nợ và quản lý chiếc xe để kinh doanh. Nay PVcomBank khởi kiện yêu cầu trả nợ theo hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì chị không có ý kiến mà do anh T quyết định.

Riêng bị đơn anh Nguyễn Đức T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án sơ thẩm giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 18-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 282, 295, 298, 308, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Án lệ số 11/2017/AL ngày 14/12/2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

2. Buộc anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Ngọc T1 phải liên đới cùng trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng bằng 1.126.644.392 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm chín mươi hai đồng). Trong đó:

- Tiền gốc bằng 926.853.039 đồng;
- Tiền lãi trong hạn bằng 156.274.525 đồng;
- Tiền lãi quá hạn bằng 43.516.828 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc sổ vay vốn cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về việc yêu cầu anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Ngọc T1 trả tiền lãi chậm trả bằng 13.419.569 đồng.

4. Trường hợp anh Nguyễn Đức T và anh Nguyễn Thị Ngọc T1 không thanh toán đủ tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được quyền đề nghị phát mãi tài sản thế chấp đối với ô tô con Ford Ranger Raptor, màu trắng, 05 chỗ ngồi, số khung MPBUMFE60KX218011, số máy YN2QX218011, biển kiểm soát số 84A - 049.83, Giấy đăng ký xe ô tô số 013140 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 16/7/2019, do anh Nguyễn Đức T đứng tên sở hữu (theo hợp đồng thế chấp số 113/2019/HĐBĐ/PVB-CN.VL ngày 16/7/2019).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2021, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử lại theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính lãi của Ngân hàng.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Anh T và chị T1 có vay vốn của Ngân hàng bằng 940 triệu đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận trả lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả theo quy định của Ngân hàng. Tuy nhiên, sau khi vay anh T và chị T1 chỉ trả vốn và lãi cho Ngân hàng được một kỳ thì ngừng nên anh T và chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Tòa án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về tính lãi chậm trả là không đúng pháp luật. Cho nên, yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt anh T và chị T1.

[2] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết buộc anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả cho Ngân hàng bằng 13.419.569 đồng (Mười ba triệu bốn trăm mười chín nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng), thấy rằng: Tại trang số 02 và số 03 của Hợp đồng cho vay số 970/2019/HĐTD/PVB-CN.VL ngày 16/7/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (Bên cho vay) với anh T và chị T1 (Bên vay) thỏa thuận: Ngân hàng giải ngân cho anh T và chị T1 vay số tiền bằng 940.000.000 đồng (Chín trăm bốn mươi triệu đồng); nợ gốc được trả 72 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, vào ngày 25 hàng tháng; số tiền lãi được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, số tiền lãi của kỳ thanh toán cuối cùng sẽ được trả vào ngày trả nợ gốc cuối cùng. Đồng thời, hai bên còn thỏa thuận lãi suất trong hạn; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi theo quy định của Ngân hàng nhưng đảm bảo không quá 10%/năm...” (BL 24, 25).

[3] Tuy nhiên, sau khi vay anh T và chị T1 chỉ trả vốn và trả lãi cho Ngân hàng được 01 kỳ thì không trả tiếp. Cho nên, anh T và chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tòa án sơ thẩm chỉ buộc anh T và chị T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc bằng 926.853.039 đồng, số tiền lãi trong hạn bằng 156.274.252 đồng và số tiền lãi quá hạn bằng 43.516.828 đồng mà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm, số tiền bằng 13.419.569 đồng, là không đúng với thỏa thuận hợp đồng cho vay số 970/2019/HĐTD/PVB-CN.VL, ngày 16/7/2019; không đúng quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng kháng cáo yêu cầu anh T và chị T1 trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 25/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm bằng 13.419.569 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

[4] Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi áp dụng Án lệ để giải quyết tranh chấp phải áp dụng đúng nội dung của Án lệ. Cụ thể, Án lệ số 11/2017/AL về công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà trên đất có tài sản không thuộc sở hữu của bên thế chấp, nội dung của Án lệ số 11/2017/AL là đoạn 4 phần “Nhận định của Tòa án”, không phải đoạn 5 như Tòa án sơ thẩm đã áp dụng.

[5] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, sửa bản án sơ thẩm, là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được Tòa án phúc thẩm chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006867 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh. Riêng nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại tương ứng với nghĩa vụ của anh T và chị T1 trả tiền cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 18-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

2. Buộc anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc bằng 926.853.039 đồng, tiền lãi trên nợ gốc bằng 156.274.525 đồng, tiền lãi quá hạn bằng 43.516.828 đồng và tiền lãi chậm trả bằng 13.419.569 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi bằng 1.140.063.961 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi triệu không trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ bằng 20.760.500 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0000477 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Buộc anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 46.201.918 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm lẻ một nghìn chín trăm mười tám đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006867 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh.

4. Trường hợp anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị Ngọc T1 không thanh toán đủ tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền đề nghị phát mãi tài sản thế chấp đối với ô tô con Ford Ranger Raptor; màu trắng; 05 chỗ ngồi; số khung MPBUMFE60KX218011; số máy YN2QX218011; biển kiểm soát số 84A-049.83; giấy đăng ký xe ô tô số 013140 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Trà Vinh cấp ngày 16/7/2019, do anh Nguyễn Đức T đứng tên sở hữu (theo hợp đồng thế chấp số 113/2019/HĐBĐ/PVB-CN.VL ngày 16/7/2019).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đê